

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH TƯỜNG  
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2018/HNGĐ - ST  
Ngày 24 tháng 10 năm 2018  
V/v Tranh chấp ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Đoan Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Nguyễn Viết Khang

*Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vĩnh Tường.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Văn Đạo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh  
Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số :  
254/2018/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2018/QĐXX-ST  
ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị N, sinh năm 1983(có mặt)
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn 2, xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 8 năm 2018 và những lời khai tiếp  
theo, nguyên đơn chị Phùng Thị N trình bày:* Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân  
C ngày 26/12/2002 tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh  
Vĩnh Phúc. Trước khi cưới, chị và anh C có tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết  
hôn với nhau. Cưới xong, chị về làm dâu và ở chung cùng gia đình anh C. Ban  
đầu cuộc sống vợ chồng hoà thuận, sau phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do  
vợ chồng không hợp nhau, không hiểu nhau nên thường xuyên có những bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, nhất là trong việc nuôi dạy con cái. Ngày mừng 8 Tết Nguyên đán 2018, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn với nhau trong cách dạy con nên chị và con trai đã về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân với nhau từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 11/10/2003 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 08/3/2011, hiện nay cháu D đang ở cùng chị Ngân còn cháu S đang ở cùng anh C. Ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cháu D còn anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện tại chị là công nhân, mức thu nhập bình quân hàng tháng khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/9/2018 và những lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Xuân C khai:* Về quá trình kết hôn chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị N trình bày. Anh thừa nhận tình cảm vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu lẫn nhau. Ngày mừng 8 Tết âm lịch năm 2018, do bất đồng trong việc nuôi dạy con nên khi cháu D là con chung của anh chị bỏ đi khỏi nhà, chị N đã đi theo tìm con, sau đó chị và cháu D về nhà mẹ đẻ chị N ở, chị không về chung sống cùng anh nữa. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn tình cảm, muốn hàn gắn. Tuy nhiên anh cho rằng nếu cần phải ly hôn thì anh phải là người làm đơn chứ không phải chị N.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có hai con chung đúng như chị N trình bày. Hiện nay cháu D đang ở cùng chị N còn cháu S đang ở cùng anh. Nếu có sự ly hôn, anh xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C hiện nay đang làm nghề thợ xây, thu nhập khoảng 4 triệu đến 5 triệu đồng/tháng.

Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Xuân C nhưng anh C không đến Toà làm việc. Tại phiên toà hôm nay, anh C vắng mặt không có lý do.

Toà án tiến hành xác minh tại địa phương là xã V, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nơi chị N và anh C kết hôn và chung sống. Đại diện chính quyền địa phương xác nhận quá trình kết hôn, chung sống của chị N và anh C đúng như anh chị trình bày. Còn về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng cụ thể như thế nào thì địa phương không biết. Địa phương chỉ nghe nói đầu năm

2018, chị N về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xin ly hôn với anh C, quan điểm của địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị N và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 11/10/2003 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 08/3/2011, hiện nay cháu D đang ở cùng chị N còn cháu S đang ở cùng anh C. Nếu anh chị ly hôn, địa phương đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị N, anh C có tài sản gì, nợ nần ai thì địa phương không biết.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường trình bày quan điểm như sau:

Về tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký tòa án, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân C; Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Tiến D còn anh C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu S. Chị N và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền thăm nom con không ai được cản trở; Tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Phùng Thị N có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Xuân C và đề nghị phân chia nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là anh Nguyễn Xuân C lần thứ hai nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh C là hôn nhân tự nguyện, hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung

sống, vì tính tình không hợp, không cảm thông, chia sẻ với nhau nên cuộc sống chung vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng, đặc biệt trong cách giáo dục con trẻ. Từ ngày mừng 8 Tết âm lịch năm 2018, vợ chồng anh chị mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay. Tại phiên toà, chị N khẳng định tình cảm vợ chồng với anh C không còn, chị không thể về đoàn tụ với anh C được nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Quá trình giải quyết vụ án, anh Chiến không nhất trí với việc chị N xin ly hôn, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên qua những buổi làm việc tại Toà án, mặc dù đã được giải thích và động viên để tìm hướng hoà giải, đoàn tụ giữa hai vợ chồng nhưng bản thân anh C không thực sự bày tỏ thiện chí hàn gắn, suốt cả quá trình ly thân, anh C cũng không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng. Anh C đề nghị Toà án tiếp tục tiến hành hoà giải cho anh và chị N, song tại buổi hoà giải được Toà án ấn định làm việc, anh C không đến Toà để làm việc cũng như thể hiện nỗ lực hàn gắn với chị N. Điều đó chứng tỏ anh C không thực sự có mong muốn hàn gắn, không có quyết tâm đoàn tụ vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh C đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị N xin ly hôn là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[4]. Về con chung: Chị N và anh C có hai con chung là cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 11/10/2003 và Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 08/3/2011, hiện nay cháu D đang ở cùng chị N, còn cháu S đang ở cùng anh C. Ly hôn, chị N xin được trực tiếp nuôi cháu D, để anh C trực tiếp nuôi dưỡng cháu S không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Quan điểm của anh C đề nghị nếu có sự ly hôn anh xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Tại phiên toà hôm nay, chị N vẫn giữ nguyên quan điểm của mình, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N và anh C có mức thu nhập và hoàn cảnh sống tương đồng. Hiện nay, cháu D đang ở cùng chị N còn cháu S đang ở cùng anh C, mọi việc sinh hoạt của các cháu vẫn ổn định và được đảm bảo. Đồng thời, xét về nguyện vọng của các cháu, cháu D muốn ở cùng mẹ còn cháu S muốn ở cùng bố. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cũng như tôn trọng ý kiến cá nhân của các cháu nên giao cháu D cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng còn anh C được trực tiếp nuôi dưỡng cháu S là phù hợp. Chị N và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

[5]. Về tài sản, công nợ, đất canh tác, công sức: Chị N, anh C không yêu cầu do vậy Toà án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Xử:

**1.** Cho chị Phùng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

**2.** Về con chung: Giao cho chị Phùng Thị N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 11/10/2003 còn anh Nguyễn Xuân C được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Thu S, sinh ngày 08/3/2011. Chị N, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở, gây khó khăn.

**3.** Về án phí: Chị Phùng Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2017/0001886 ngày 27 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường; Chị Phùng Thị N đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng, lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(đã ký)**

**Bùi Thị Đoàn Trang**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Viết Khang      Nguyễn Văn Chung**

**Bùi Thị Đoan Trang**

